UBND TỈNH PHÚ YÊN
SỞ Y TẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 117 /QĐ-SYT

Phú Yên, ngày 07 tháng 02 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

V/v Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu
Gói thầu: cung cấp thuốc Generic
Thuộc dự toán mua sắm: Cung cấp thuốc thuộc danh mục thuốc đấu thầu tập trung cấp địa phương cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Phú Yên từ quí IV/2023 đến hết quí III/2025

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc hội Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023 của Quốc hội Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 03/2019/TT-BYT ngày 28/3/2019 của Bộ Y tế ban hành danh mục thuốc sản xuất trong nước đáp ứng yêu cầu về điều trị, giá thuốc và khả năng cung cấp;

Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Thông tư số 15/2020/TT-BYT ngày 10/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành danh mục thuốc đấu thầu, danh mục thuốc đấu thầu tập trung, danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá;

Căn cứ Thông tư số 29/2020/TT-BYT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành, liên tịch ban hành;

Căn cứ Thông tư số 15/2021/TT-BYT ngày 24/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT ngày 31/5/2022 của Bộ kế hoạch và đầu tư quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và lựa chọn nhà thầu trên hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 15/2022/TT-BYT ngày 09/12/2022 của Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều và phụ lục tại thông tư số 03/2019/TT-BYT ngày 28/3/20219 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành danh mục thuốc sản xuất trong nước đáp ứng yêu cầu về điều trị, giá thuốc và khả năng cung cấp và Thông tư số 15/2020/TT-BYT ngày 10/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành danh mục thuốc đấu thầu, danh mục thuốc đấu thầu tập trung, danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá;

Căn cứ Thông tư số 06/2023/TT-BYT ngày 12/03/2023 của Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Quyết định số 1705/QĐ-UBND ngày 22/10/2019 của UBND tỉnh Phú Yên về việc giao nhiệm vụ tổ chức thực hiện mua thuốc theo Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Quyết định số 1245/QĐ-UBND ngày 18 tháng 9 năm 2023 của UBND tỉnh Phú Yên về việc phê duyệt Danh mục thuốc bổ sung vào Danh mục thuốc đấu thầu tập trung cấp địa phương cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Phú Yên từ quý IV/2023 đến hết quý III/2025;

Căn cứ Quyết định số 1449/QĐ-UBND ngày 26/10/2023 của UBND tỉnh Phú Yên v/v phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc thuộc Danh mục thuốc đấu thầu tập trung cấp địa phương cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Phú Yên từ Quý IV/2023 đến hết Quý III/2025;

Căn cứ Quyết định số 891/QĐ-SYT ngày 08/11/2023 của Sở Y tế Phú Yên v/v phê duyệt nội dung E-HSMT, tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT Gói thầu: Cung cấp thuốc Generic, thuộc dự toán mua sắm: Cung cấp thuốc thuộc Danh mục thuốc đấu thầu tập trung cấp địa phương cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Phú Yên từ quý IV/2023 đến hết quý III/2025;

Căn cứ Quyết định số 17/QĐ-SYT ngày 11/01/2024 của Sở Y tế Phú Yên v/v phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật và Quyết định số 59/QĐ-SYT ngày 22/01/2024 của Sở Y tế Phú Yên v/v phê duyệt điều chỉnh danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, Gói thầu: Cung cấp thuốc Generic, Thuộc dự toán mua sắm: Cung cấp thuốc thuộc Danh mục thuốc đấu thầu tập trung cấp địa phương cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Phú Yên từ quí IV/2023 đến hết quí III/2025;

Căn cứ Báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu: Cung cấp thuốc Generic thuộc dự toán mua sắm: Cung cấp thuốc thuộc Danh mục thuốc đấu thầu tập trung cấp địa phương cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Phú Yên từ quí IV/2023 đến hết quí III/2025 lập ngày 06/02/2024 của Tổ thẩm định đấu thầu thuốc - Sở Y tế Phú Yên;

Xét đề nghị của Bệnh viện Đa khoa tỉnh tại Tờ trình số 119/TTr-BV ngày 01/02/2024 về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu: Cung cấp thuốc Generic, thuộc dự toán mua sắm: Cung cấp thuốc thuộc Danh mục thuốc đấu thầu tập trung cấp địa phương cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Phú Yên từ quí IV/2023 đến hết quí III/2025;

Theo đề nghị của Phòng Nghiệp vụ Dược – Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu trúng thầu gói thầu: Cung cấp thuốc generic, thuộc dự toán mua sắm: Cung cấp thuốc thuộc Danh mục thuốc đấu thầu tập trung cấp địa phương cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Phú Yên từ quí IV/2023 đến hết quí III/2025, cụ thể như sau:

1. Danh sách các nhà thầu trúng thầu:

1.1. Nhà thầu: Công ty TNHH dược phẩm 1A Việt Nam

a) Số mặt hàng đề nghị trúng thầu: 04 mặt hàng.

b) Giá đề nghị trúng thầu: 9.204.220.000 đồng (giá trị sau thuế).

(Bằng chữ: Chín tỷ hai trăm lẻ bốn triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng chẵn).

1.2. Nhà thầu: Công ty cổ phần dược phẩm 3/2

a) Số mặt hàng đề nghị trúng thầu: 04 mặt hàng.

b) Giá đề nghị trúng thầu: 118.512.495 đồng (giá trị sau thuế).

(Bằng chữ: Một trăm mười tám triệu năm trăm mười hai nghìn bốn trăm chín mươi lăm đồng chẵn).

1.3. Nhà thầu: Công ty cổ phần AFP Gia Vũ

a) Số mặt hàng đề nghị trúng thầu: 03 mặt hàng.

b) Giá đề nghị trúng thầu: 3.820.000.000 đồng (giá trị sau thuế).

(Bằng chữ: Ba tỷ tám trăm hai mươi triệu đồng chẵn).

1.4. Nhà thầu: Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm

a) Số mặt hàng đề nghị trúng thầu: 38 mặt hàng.

b) Giá đề nghị trúng thầu: 2.892.782.766 đồng (giá trị sau thuế).

(Bằng chữ: Hai tỷ tám trăm chín mươi hai triệu bảy trăm tám mươi hai nghìn bảy trăm sáu mươi sáu đồng chẵn).

1.5. Nhà thầu: Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A

a) Số mặt hàng đề nghị trúng thầu: 02 mặt hàng.

b) Giá đề nghị trúng thầu: 97.586.000 đồng (giá trị sau thuế).

(Bằng chữ: Chín mươi bảy triệu năm trăm tám mươi sáu nghìn đồng chẵn).

1.6. Nhà thầu: Công ty cổ phần Y tế AMVGROUP

a) Số mặt hàng đề nghị trúng thầu: 03 mặt hàng.

b) Giá đề nghị trúng thầu: 369.084.450 đồng (giá trị sau thuế).

(Bằng chữ: Ba trăm sáu mươi chín triệu không trăm tám mươi bốn nghìn bốn trăm năm mươi đồng chẵn).

1.7. Nhà thầu: Công ty cổ phần dược phẩm An Thiên

a) Số mặt hàng đề nghị trúng thầu: 22 mặt hàng.

b) Giá đề nghị trúng thầu: 1.762.591.980 đồng (giá trị sau thuế).

(Bằng chữ: Một tỷ bảy trăm sáu mươi hai triệu năm trăm chín mươi mốt nghìn chín trăm tám mươi đồng chẵn).

1.8. Nhà thầu: Công ty TNHH dược phẩm Anh Nguyên Đức

a) Số mặt hàng đề nghị trúng thầu: 06 mặt hàng.

b) Giá đề nghị trúng thầu: 3.488.320.000 đồng (giá trị sau thuế).

(Bằng chữ: Ba tỷ bốn trăm tám mươi tám triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng chẵn).

1.9. Nhà thầu: Công ty TNHH dược phẩm AT & C

a) Số mặt hàng đề nghị trúng thầu: 07 mặt hàng.

b) Giá đề nghị trúng thầu: 10.421.666.000 đồng (giá trị sau thuế).

(Bằng chữ: Mười tỷ bốn trăm hai mươi mốt triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn đồng chẵn).

1.10. Nhà thầu: Công ty cổ phần dược phẩm Âu Việt

a) Số mặt hàng đề nghị trúng thầu: 02 mặt hàng.

b) Giá đề nghị trúng thầu: 440.382.500 đồng (giá trị sau thuế).

(Bằng chữ: Bốn trăm bốn mươi triệu ba trăm tám mươi hai nghìn năm trăm đồng chẵn).

1.11. Nhà thầu: Công ty cổ phần dược phẩm Bến Tre

a) Số mặt hàng đề nghị trúng thầu: 05 mặt hàng.

b) Giá đề nghị trúng thầu: 1.807.239.300 đồng (giá trị sau thuế).

(Bằng chữ: Một tỷ tám trăm lẻ bảy triệu hai trăm ba mươi chín nghìn ba trăm đồng chẵn).

1.12. Nhà thầu: Công ty TNHH dược phẩm Biển Loan

a) Số mặt hàng đề nghị trúng thầu: 01 mặt hàng.

b) Giá đề nghị trúng thầu: 6.589.371.600 đồng (giá trị sau thuế).

(Bằng chữ: Sáu tỷ năm trăm tám mươi chín triệu ba trăm bảy mươi mốt nghìn sáu trăm đồng chẵn).

1.13. Nhà thầu: Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định (BIDIPHAR)

a) Số mặt hàng đề nghị trúng thầu: 16 mặt hàng.

b) Giá đề nghị trúng thầu: 18.655.076.400 đồng (giá trị sau thuế).

(Bằng chữ: Mười tám tỷ sáu trăm năm mươi lăm triệu không trăm bảy mươi sáu nghìn bốn trăm đồng chẵn).

1.14. Nhà thầu: Công ty TNHH Bình Việt Đức

a) Số mặt hàng đề nghị trúng thầu: 03 mặt hàng.

b) Giá đề nghị trúng thầu: 76.560.000 đồng (giá trị sau thuế).

(Bằng chữ: Bảy mươi sáu triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn).

1.15. Nhà thầu: Công ty TNHH dược phẩm Châu Á - Thái Bình Dương

a) Số mặt hàng đề nghị trúng thầu: 01 mặt hàng.

b) Giá đề nghị trúng thầu: 1.268.345.000 đồng (giá trị sau thuế).

(Bằng chữ: Một tỷ hai trăm sáu mươi tám triệu ba trăm bốn mươi lăm nghìn đồng chẵn).

1.16. Nhà thầu: Công ty cổ phần dược phẩm Trung Ương CPC1

a) Số mặt hàng đề nghị trúng thầu: 10 mặt hàng.

b) Giá đề nghị trúng thầu: 22.584.257.100 đồng (giá trị sau thuế).

(Bằng chữ: Hai mươi hai tỷ năm trăm tám mươi bốn triệu hai trăm năm mươi bảy nghìn một trăm đồng chẵn).

1.17. Nhà thầu: Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội

a) Số mặt hàng đề nghị trúng thầu: 19 mặt hàng.

b) Giá đề nghị trúng thầu: 135.060.000 đồng (giá trị sau thuế).

(Bằng chữ: Một trăm ba mươi lăm triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn).

1.60. Nhà thầu: Công ty TNHH dược phẩm MKT

a) Số mặt hàng đề nghị trúng thầu: 14 mặt hàng.

b) Giá đề nghị trúng thầu: 33.044.824.700 đồng (giá trị sau thuế).

(Bằng chữ: Ba mươi ba tỷ không trăm bốn mươi bốn triệu tám trăm hai mươi bốn nghìn bảy trăm đồng chẵn).

1.61. Nhà thầu: Công ty TNHH Nacopharm Miền Nam

a) Số mặt hàng đề nghị trúng thầu: 01 mặt hàng.

b) Giá đề nghị trúng thầu: 495.000.000 đồng (giá trị sau thuế).

(Bằng chữ: Bốn trăm chín mươi lăm triệu đồng chẵn).

1.62. Nhà thầu: Công ty cổ phần dược phẩm Năm Phát

a) Số mặt hàng đề nghị trúng thầu: 01 mặt hàng.

b) Giá đề nghị trúng thầu: 161.450.000 đồng (giá trị sau thuế).

(Bằng chữ: Một trăm sáu mươi mốt triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng chẵn).

1.63. Nhà thầu: Công ty cổ phần O2pharm

a) Số mặt hàng đề nghị trúng thầu: 02 mặt hàng.

b) Giá đề nghị trúng thầu: 801.000.000 đồng (giá trị sau thuế).

(Bằng chữ: Tám trăm lẻ một triệu đồng chẵn).

1.64. Nhà thầu: Công ty TNHH thiết bị y tế Phương Đông

a) Số mặt hàng đề nghị trúng thầu: 01 mặt hàng.

b) Giá đề nghị trúng thầu: 2.800.000.000 đồng (giá trị sau thuế).

(Bằng chữ: Hai tỷ tám trăm triệu đồng chẵn).

1.65. Nhà thầu: Công ty TNHH thương mại dược phẩm Phương Linh

a) Số mặt hàng đề nghị trúng thầu: 04 mặt hàng.

b) Giá đề nghị trúng thầu: 1.532.379.000 đồng (giá trị sau thuế).

(Bằng chữ: Một tỷ năm trăm ba mươi hai triệu ba trăm bảy mươi chín nghìn đồng chẵn).

1.66. Nhà thầu: Công ty cổ phần Pymepharco

a) Số mặt hàng đề nghị trúng thầu: 02 mặt hàng.

b) Giá đề nghị trúng thầu: 2.502.660.000 đồng (giá trị sau thuế).

(Bằng chữ: Hai tỷ năm trăm lẻ hai triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn).

1.67. Nhà thầu: Công ty TNHH dược phẩm QDU

a) Số mặt hàng đề nghị trúng thầu: 01 mặt hàng.

b) Giá đề nghị trúng thầu: 55.532.400 đồng (giá trị sau thuế).

(Bằng chữ: Năm mươi lăm triệu năm trăm ba mươi hai nghìn bốn trăm đồng chẵn).

2. Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định.

3. Thời gian thực hiện hợp đồng: 24 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.

(Chi tiết danh mục trúng thầu của từng nhà thầu theo phụ lục đính kèm)

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở, Trưởng các phòng: Kế hoạch - Tài chính, Nghiệp vụ Dược, Nghiệp vụ Y thuộc Sở Y tế, Giám đốc Bệnh viện đa khoa tỉnh và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Kho bạc nhà nước Phú Yên (phối hợp);
- BHXH tỉnh (phối hợp);
- Lưu: VT, NVD.

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ Y TẾ
TỈNH PHÚ YÊN

Phạm Minh Hữu

UBND TỈNH PHÚ YÊN
SỞ Y TẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ Y TẾ
TỈNH PHÚ YÊN

PHỤ LỤC TRÚNG THẦU

Gói thầu: Cung cấp thuốc Generic

Thuộc dự toán mua sắm: Cung cấp thuốc thuộc Danh mục thuốc đấu thầu tập trung cấp địa phương cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Phú Yên từ quí IV/2023 đến hết quí III/2025

Tên nhà thầu: Công ty TNHH dược phẩm MKT

(Kèm theo Quyết định số: 117 /QĐ-SYT, ngày 07 tháng 02 năm 2024 của Sở Y tế)

ĐVT: VN Đồng

STT	Mã thị	Mã phần/lô	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng; Dạng bào chế	Quy cách	Nhóm thuốc	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền	Ghi chú
1		GEP2300424261	Gourcuff-5	Alfuzosin HCL	5mg	Uống; Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	VD-28912-18	Công ty Cổ phần Dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Viên	5.000	27.160	135.800.000	
2		GEP2300424289	Wamlox 5mg/80mg	Valsartan, Amlodipine (dưới dạng Amlodipine Besilate)	80mg + 5mg	Uống; Viên nén bao phim	Hộp 4 vỉ x 7 viên	Nhóm 1	383110181323	KRKA, D.D., Novo Mesto	Slovenia	Viên	9.000	8.600	77.400.000	
3		GEP2300424315	Atovze 10/10	Atorvastatin (dưới dạng Atorvastatin calci trihydrat); Ezetimib	10mg; 10mg	Uống; Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 2	VD-30484-18	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Việt Nam	Viên	5.500	10.000	55.000.000	
4		GEP2300424392	Pyfaclor Kid	Mỗi gói 2g chứa: Cefaclor (dưới dạng Cefaclor monohydrat)	125mg	Uống; Thuốc cốm	Hộp 12 gói x 2g, hộp 14 gói x 2g, hộp 24 gói x 2g	Nhóm 3	VD-26427-17	Công ty cổ phần Pymepharco	Việt Nam	Gói	3.990	778.980	3.108.130.200	
5		GEP2300424424	Cepoxitil 200	Cefpodoxim (dưới dạng Cefpodoxim proxetil)	200mg	Uống; Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 10 viên	Nhóm 1	VD-24433-16	Công ty cổ phần Pymepharco	Việt Nam	Viên	10.500	1.252.200	13.148.100.000	
6		GEP2300424425	Doncef	Cefradin	500mg	Uống; Viên nang cứng	Hộp 3 vỉ x 10 viên, hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 2	VD-23833-15	Công ty cổ phần Pymepharco	Việt Nam	Viên	2.350	1.581.860	3.717.371.000	
7		GEP2300424438	Esseil-5	Cilnidipin	5mg	Uống; Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 2	VD-28905-18	Công ty Cổ phần Dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Viên	4.500	720.000	3.240.000.000	
8		GEP2300424439	Esseil-10	Cilnidipin	10mg	Uống; Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 2	VD-28904-18	Công ty Cổ phần Dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Viên	5.800	330.000	1.914.000.000	
9		GEP2300424559	SaViEto 300	Etodolac	300mg	Uống; Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 2	VD-28040-17	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Việt Nam	Viên	4.440	110.000	488.400.000	
10		GEP2300424620	SaVi Glipizide 5	Glipizid	5mg	Uống; Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 2	VD-29120-18	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Việt Nam	Viên	2.950	750.000	2.212.500.000	
11		GEP2300424696	Bixebra 5mg	Ivabradin (Dưới dạng Ivabradin hydrochloride)	5mg	Uống; Viên nén bao phim	Hộp 4 vỉ x 14 viên	Nhóm 1	VN-22877-21	KRKA, D.D., Novo Mesto	Slovenia	Viên	7.250	10	72.500	

STT	Mã thầu	Mã phần/lô	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng; Dạng bào chế	Quy cách	Nhóm thuốc	SDK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền	Ghi chú
12		GEP2300424782	Hasanbest 500/2.5	Metformin hydroclorid; Glibenclamid	500mg; 2,5mg	Uống; Viên nén bao phim	Hộp 02 vỉ x 15 viên; Hộp 08 vỉ x 15 viên	Nhóm 4	VD-32391-19	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	1.700	1.429.030	2.429.351.000	
13		GEP2300424820	Moxieye	Moxifloxacin (dưới dạng Moxifloxacin hydrochlorid)	5mg/ml	Nhỏ mắt; Dung dịch nhỏ mắt	Hộp 1 lọ nhựa 2ml	Nhóm 4	VD-22001-14	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	Ống	23.000	300	6.900.000	
14		GEP2300424960	Tovecor plus	Perindopril arginin; Indapamid	5mg + 1,25mg	Uống; Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	VD-26298-17	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2	Việt Nam	Viên	3.800	661.000	2.511.800.000	
	Tổng cộng: 14 khoản														33.044.824.700	